

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 3 - 2022

V/v tranh chấp: "Ly hôn, con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Ngọc Minh

- Bà Lê Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2021/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021, về việc tranh chấp: "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXX-ST, ngày 07-3-2022 giữa.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số x, Quốc lộ A, khu phố y, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Phan Đình T, sinh năm: 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số z, đường N, khu phố j, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà H, ông T tự tìm hiểu được 2 bên gia đình chấp nhận về chung sống 2009, năm 2013 có đến UBND thị trấn P đăng ký kết hôn; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến khoảng năm 2015 xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T nhậu về thường xuyên mắng chửi, đánh đập vợ, con, bà H khuyên ông T nhiều lần nhưng ông T không thay đổi mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và sống ly thân từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay.

Nay bà H xét thấy tình cảm giữa bà với ông T không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Gia H, sinh ngày 28-6-2009; chung tên Phan Đình Gia L, sinh ngày 22-12-2011 hiện con chung bà H đang nuôi và bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về thu nhập: Bà H có nghề Uốn tóc thu nhập mỗi tháng 15.000.000 đồng.

Bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà H, ông T tự tìm hiểu được 2 bên gia đình chấp nhận về chung sống 2009, năm 2013 có đến UBND thị trấn P đăng ký kết hôn; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến khoảng năm 2019 xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính nhau thường xuyên chia rẽ, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay.

Nay bà H xin ly hôn ông T xét thấy tình cảm không còn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Gia H, sinh ngày 28-6-2009; chung tên Phan Đình Gia L, sinh ngày 22-12-2011 hiện con chung bà H đang nuôi, ông T yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Phan Đình Gia L, sinh ngày 22-12-2011.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về thu nhập: Ông T có nghề Uốn tóc thu nhập mỗi tháng 12.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn ông T.

Buộc bà H giao cho ông T nuôi 01 con chung tên Phan Đình Gia L, sinh ngày 22-12-2011; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà H không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn, nuôi con chung"

[2] Nội dung pháp luật áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích H, ông Phan Đình T tự tìm hiểu chung sống với nhau năm 2009 có đến cơ quan cấp có thẩm quyền đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc cho đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, không giải quyết được mâu thuẫn dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không quan tâm đến nhau, không có trách với nhau, tình cảm lạnh nhạt kéo dài cho đến năm 2021 sống ly thân cho đến nay.

Bà H, ông T xét thấy tình cảm không còn đồng ý ly hôn.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H, ông T cuộc sống chung không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H xin ly hôn ông T là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[4] Về con chung: Có 02 đứa con chung tên Phan Gia H, sinh ngày 28-6-2009; chung tên Phan Đình Gia L, sinh ngày 22-12-2011 hiện con chung bà H đang nuôi, bà Xen yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi.

Còn ông T yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Phan Đình Gia Long, sinh ngày 22-12-2011.

[5] Về nguyện vọng của các con chung: 02 con chung tên Phan Gia H, sinh ngày 28-6-2009; tên Phan Đình Gia L, sinh ngày 22-12-2011 có nguyện vọng mong muốn được ở với bà H.

Xét nguyện vọng của 2 con chung phù hợp với nguyện vọng của bà H

Xét yêu cầu nuôi con của bà H có căn cứ; yêu cầu nuôi con của bà H phù hợp với nguyện vọng của 2 con chung Hội đồng xét xử, xử giao cho bà H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là phù hợp pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ; Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên.

[9] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 bà H là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 38; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 "hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí";

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị Bích H, được ly hôn ông Phan Đình T.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Bích H tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung tên Phan Gia H, sinh ngày 28-6-2009; tên Phan Đình Gia L, sinh ngày 22-12-2011.

Về cấp dưỡng: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Bích H là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Phan Đình T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0000381 ngày 30-11-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt, bị đơn. Báo cho người có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (21-3-2022).

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hường; Phạm Ngọc Minh

Đoàn Sứ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã P (để biết);
- Các đương sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Sứ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hường; Phạm Ngọc Minh

Đoàn Sứ

